

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Biểu phí bảo hiểm vật chất xe ô tô  
của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI**

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 43GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính và các Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC);

Căn cứ công văn số 14573/BTC-QLBH, ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận đăng ký sản phẩm bảo hiểm vật chất xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Khối nghiệp vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Biểu phí bảo hiểm vật chất xe ô tô” của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 và thay thế Quyết định số 1106/2017/QĐ-MIC ngày 28/4/2017 của Tổng Giám đốc về việc ban hành biểu phí bảo hiểm vật chất xe ô tô.

**Điều 3:** Ban Tổng giám đốc, Giám đốc các Khối, Trưởng phòng thuộc Hội sở Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị thành viên, các cá nhân và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, XCG.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Uông Đông Hưng**

**Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội**

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội \* Điện thoại: (84-4) 6285 3388 \* Fax: (84-4) 6285 3366

Email: info@mic.vn \* Website: www.mic.vn

**2. Phí bảo hiểm các điều khoản bổ sung (đã bao gồm VAT):**

<b>Điều khoản bổ sung</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tỷ lệ phụ phí</b>
Bảo hiểm vật chất xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam	001	+ 50% phí bảo hiểm cơ bản
Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận	002	+ 0,1%
Bảo hiểm thuê xe trong thời gian sửa chữa (áp dụng cho xe đến 8 chỗ ngồi)	003	+ 600.000 đồng/năm
Bảo hiểm thay thế mới	004	+ 0,1% (từ 6 năm trở lên)
Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa	005	+ 0,1% (từ 6 năm trở lên)
Bảo hiểm tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước	006	+ 0,1%
Bảo hiểm vật chất xe lưu hành tạm thời	007	+ 1.5% (tính theo số ngày tham gia BH/365 ngày)
Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập, tái xuất (tính theo số ngày tham gia BH)	008	- Xe dưới 16 chỗ: 4%; - Xe từ 16 đến 25 chỗ: 3,5%; - Xe trên 25 chỗ: 3%
Bảo hiểm xe tập lái	009	+ 0,1%
Đối với mỗi rủi ro, điều khoản bổ sung khác		+ 0,1%

**3. Phí bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm khác 01 năm:**

$$\text{Phí bảo hiểm phải nộp} = \frac{\text{Phí bảo hiểm năm theo quy định}}{365 (\text{ngày})} \times \text{Thời hạn bảo hiểm (ngày)}$$

**4. Giảm phí bảo hiểm:****4.1. Giảm phí theo số lượng xe khách hàng đã tham gia BH tại MIC (trong 01 năm hoặc số lượng xe trên một hợp đồng bảo hiểm), cụ thể:**

- Từ 03 – 10 xe giảm tối đa 15%
- Từ 11 – 30 xe giảm tối đa 20%
- Từ 31 – 50 xe giảm tối đa 25%
- Từ 51 xe trở lên giảm tối đa 34%



## BIỂU PHÍ

### Bảo hiểm Vật chất xe ô tô

(Kèm theo quyết định số 144/2018/QĐ-MIC, ngày 26 tháng 12 năm 2018)

#### 1. Biểu phí bảo hiểm gộp cho thời hạn bảo hiểm 1 năm (Phí bảo hiểm bao gồm VAT):

STT	NHÓM, DÒNG XE	THỜI GIAN SỬ DỤNG XE			
		Dưới 3 năm	Từ 3 đến dưới 6 năm	Từ 6 đến dưới 10 năm	Từ 10 năm trở lên
<b>I</b>	<b>Xe chở hàng</b>				
1	Rơ moóc	1.0	1.1	1.3	1.6
2	Xe kinh doanh vận tải hàng hoá; Xe tải trên 10 tấn	1.8	2.0	2.1	2.3
3	Xe đầu kéo; Xe đông lạnh trên 3,5 tấn; Xe hoạt động trong vùng khai thác khoáng sản.	2.5	2.6	2.8	3.1
4	Xe chở hàng còn lại	1.5	1.6	1.8	2.0
<b>II</b>	<b>Xe chở người</b>				
1	Xe không kinh doanh; Xe bus; Xe tập lái; Xe hoạt động trong nội bộ cảng, khu công nghiệp, sân bay	1.5	1.6	1.8	2.0
2	Xe kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh; Xe Grab, uber và các loại hình tương tự.	2.0	2.1	2.3	2.5
3	Xe taxi, xe cho thuê tự lái	2.6	2.8	3.0	3.1
4	Xe kinh doanh chở người còn lại	1.6	1.8	2.0	2.1
<b>III</b>	<b>Xe vừa chở người vừa chở hàng</b>				
1	Xe bán tải (Pick-up)	1.8	2.0	2.1	2.3
2	Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại	1.5	1.6	1.8	2.0

43  
TỔN  
ÔNG TY  
BẢO H  
QUÂN  
G ĐA



**4.2. Giảm phí cho xe tái tục bảo hiểm:**

- 01 năm liền trước năm tái tục:
  - + Tồn thất dưới 40%: giảm tối đa 10%
  - + Tồn thất dưới 30%: giảm tối đa 15%
  - + Không có tồn thất: giảm tối đa 20%
- 02 năm liên tục không có tồn thất: giảm tối đa 25%
- 03 năm liên tục không có tồn thất: giảm tối đa 30%

**4.3. Giảm phí trong trường hợp tăng mức miễn thường có khấu trừ:**

Áp dụng mức miễn thường có khấu trừ theo quy tắc là 500.000 đồng/vụ tồn thất. Trường hợp khách hàng lựa chọn tham gia mức miễn thường có khấu trừ cao hơn mức tối thiểu sẽ được giảm phí theo các mức sau:

Mức miễn thường có khấu trừ	Mức giảm phí
Đến 1.000.000 đồng/vụ	15%
2.000.000 đồng/vụ	20%
3.000.000 đồng/vụ	25%
4.000.000 đồng/vụ	30%
từ 5.000.000 đồng/vụ trở lên	34%

Hà Nội, ngày 23. tháng 12 năm 2018.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Uông Đông Hưng**